

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST

Ngày: 18-05-2023

V/v tranh chấp tiền mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Đình;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Chính;

Ông Võ Minh Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trương Ngọc Trui – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp tiền mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2023/QĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Cao Kim Ph – Chủ hộ Kinh doanh Tr.

Địa chỉ: 132 Nguyễn Tất Thành, khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Danh Như Ng, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (đại diện theo hợp đồng ủy quyền ngày 06/4/2023, có đơn xin vắng).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Kim Ph và người đại diện của nguyên đơn trình bày ý kiến nguyên đơn:*

Hộ kinh doanh Tr (gọi tắt: Tr) có ký hợp đồng số 05/2017/HĐMB-TQMĐD ngày 04/7/2017 với vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Th về việc mua bán thức ăn tôm. Theo đó Tr cung cấp thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của bà L ông Th, cuối vụ tôm ông bà phải thanh toán dứt điểm công nợ.

Quá trình giao dịch, bà L và ông Th không thực hiện trả tiền theo thỏa thuận, hiện tại còn nợ 57.471.000 đồng. Nay yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ, về lãi suất không yêu cầu.

*Tại biên bản xác minh ngày 15/3/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày ý kiến:* Bà còn nợ tiền thức ăn tôm của bà Cao Kim Ph 78.481.000 đồng, có trả 21.000.000 đồng còn nợ 57.471.000 đồng.

Việc mua bán do bà thực hiện, ông Th chồng bà không biết vì ông không biết chữ nghĩa, trách nhiệm trả là của bà chứ không phải của chồng bà.

Mục đích mua bán có thêm thu nhập cho gia đình, kinh tế trong gia đình, tiền bạc do bà quyết định. Văn bản Tòa án gửi có biết nhưng bệnh không đi được, do cuộc sống còn thiếu thốn nên chưa thực hiện trả nợ.

*Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Th,* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn quy định mà đương sự không có văn bản trình bày ý kiến đối với vụ việc. Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần đương sự vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn và hai bị đơn vắng mặt không có ý kiến khác.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị; Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 57.471.000 đồng; Án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

- Tòa án tổng đạt và niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Th.

### **[2] Về nội dung:**

#### **[2.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp**

Bà Ph khởi kiện bà L ông Th yêu cầu thanh toán tiền mua bán còn nợ, quan hệ pháp luật tranh chấp: “Tranh chấp về hợp đồng mua bán”.

#### **[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn**

Bà Ph yêu cầu bà L ông Th thanh toán tiền mua bán còn nợ; việc mua bán có hợp đồng có giấy nhận nợ và được bà L thừa nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Xét yêu cầu của bà Ph: Bà Ph kiện bà L đòi tiền mua bán còn nợ 57.471.000 đồng, bà L thừa nhận có nợ 57.471.000 đồng, lời thừa nhận nợ phù hợp với giấy xác nhận công nợ và cam kết thanh toán (bút lục số 58). Do đó, buộc bà L thanh toán cho bà Ph tiền mua bán còn nợ 57.471.000 đồng là có căn cứ.

#### **[2.3]. Xét trách nhiệm liên đới:**

Mặc dù, trong hợp đồng và các giấy nợ do bà L ký tên không có ông Th ký, nhưng bà L cũng xác định do ông Th chữ nghĩa không rành bằng bà nên các giao dịch đều do bà ký tên; kinh tế gia đình bà L là người quyết định (bút lục số 47). Do đó, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, buộc ông Th có trách nhiệm liên đới cùng bà L thanh toán tiền mua bán còn nợ là phù hợp.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Cao Kim Ph, buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Th liên đới thanh toán cho bà Ph số tiền còn nợ 57.471.000 đồng.

Chậm trả còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án trên tổng số tiền phải thi hành.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Xét lời trình bày của bà L: Bà L cho rằng nợ này là nợ riêng không liên quan đến ông Th, thấy rằng: Mục đích kinh doanh, nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế gia đình nên khoảng nợ mua bán không thể xác định là nợ riêng. Mặt khác, bà L không chứng minh được việc mua thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm làm ăn kinh tế riêng với ông Th. Do đó như đã nhận định trên, buộc vợ chồng bà L ông Th có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Ph là phù hợp.

[4]. Về án phí: Bà L ông Th phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là  $57.471.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.870.000 \text{ đồng}$  (lấy tròn số).

Bà Ph không phải chịu án phí, có nộp được hoàn lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp thuận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Kim Ph – Chủ hộ Kinh Doanh Tr, về việc khởi kiện bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Th đòi tiền mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm công nghiệp còn nợ.

Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Th liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho bà Cao Kim Ph – Chủ hộ Kinh doanh Tr 57.471.000 đồng (năm mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp bà L và ông Th, chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Th chịu án phí có giá ngạch 5% là 2.870.000 đồng.

Bà Ph không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 1.437.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0015888 ngày 24/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Đính**